

Soạn bài Văn bản - Ngữ văn lớp 10

I. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM

Đọc các văn bản (SGK tr. 23-24) và trả lời câu hỏi:

Câu 1. Mỗi văn bản trên được người nói (người viết) tạo ra trong loại hoạt động nào? Để đáp ứng nhu cầu gì? Dung lượng (số câu) ở mỗi văn bản như thế nào?

Trả lời:

Mỗi văn bản được tạo ra trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ nhằm đáp ứng nhu cầu trao đổi kinh nghiệm sống, trao đổi tình cảm và thông tin chính trị - xã hội. Dung lượng có thể là một câu, hơn một câu, hoặc một số lượng câu khá lớn.

Câu 2. Mỗi văn bản trên đề cập đến vấn đề gì? Vấn đề đó được triển khai nhất quán trong toàn bộ văn bản như thế nào?

Trả lời:

Vấn đề các văn bản trên đề cập đến:

- Văn bản 1: hoàn cảnh sống có thể tác động đến nhân cách con người theo hướng tích cực hoặc tiêu cực.
- Văn bản 2: thân phận đáng thương của người phụ nữ trong xã hội cũ.
- Văn bản 3: kêu gọi cả cộng đồng thống nhất ý chí và hành động.

Các vấn đề trong văn bản được triển khai nhất quán trong toàn bộ văn bản:

- Văn bản 1: văn bản có tính hoàn chỉnh về nội dung.
- Văn bản 2: văn bản có tính hoàn chỉnh về nội dung.
- Văn bản 3: văn bản tập trung thể hiện chủ đề lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

Câu 3. Ở những văn bản có nhiều câu (các văn bản 2 và 3), nội dung của văn bản được triển khai mạch lạc qua từng câu, từng đoạn như thế nào? Đặc biệt ở văn bản 3, văn bản còn được tổ chức theo kết cấu 3 phần như thế nào?

Trả lời:

Văn bản 2: Nội dung của văn bản được triển khai mạch lạc qua từng câu:

-"Thân em như hạt mưa rào": ví von thân phận người phụ nữ như hạt mưa.

Soạn bài Văn bản - Ngữ văn lớp 10

- “Hạt rơi xuống giếng, hạt vào vườn hoa”: câu dưới nói đến hạt mưa rơi vào những địa điểm khác nhau, có nơi tầm thường, có nơi lại tràn đầy hương sắc của đất trời.

- “Thân em như hạt mưa sa”: tiếp tục ví von thân em như hạt mưa khác.

- “Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày”: câu thứ tư lại nói về thân phận hạt mưa bị phân chia rơi vào nơi vất vả hay giàu sang, hạnh phúc.

Văn bản 3: Nội dung của văn bản được triển khai mạch lạc qua ba phần:

- Mở bài: (từ đầu đến “*nhất định không chịu làm nô lệ*”) : nêu lí do của lời kêu gọi.

- Thân bài: (tiếp theo đến “*Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước*”): nêu nhiệm vụ cụ thể của mỗi công dân yêu nước.

- Kết bài: (phần còn lại): khẳng định quyết tâm chiến đấu và sự tất thắng của cuộc chiến đấu chính nghĩa.

=> Ba phần có sự liên kết, bổ sung cho nhau.

Câu 4. Về hình thức, văn bản 3 có dấu hiệu mở đầu và kết thúc như thế nào?

Trả lời:

- Mở đầu: tiêu đề “*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*”

- Kết thúc: dấu ngắt câu (!).

Câu 5. Mỗi văn bản trên được tạo ra nhằm mục đích gì?

Trả lời:

- Văn bản 1: khuyên răn con người nên lựa chọn môi trường, bạn bè để sống tốt.

- Văn bản 2: tâm sự về thân phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến, đồng thời lên án các thế lực chà đạp lên người phụ nữ.

- Văn bản 3: kêu gọi thống nhất ý chí và hành động của cộng đồng để chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

II. CÁC LOẠI VĂN BẢN

1. So sánh các văn bản 1,2 với văn bản 3 (mục I, SGK tr. 23 - 24).

Soạn bài Văn bản - Ngữ văn lớp 10

Trả lời:

Văn bản	Vấn đề	Lĩnh vực	Từ ngữ	Cách thức thể hiện
1	Ảnh hưởng giữa môi trường và phẩm chất, nhân cách con người	Cuộc sống thường ngày	Thường ngày	Khẩu ngữ
2	Thân phận người con gái	Nghệ thuật	Nhiều hình ảnh có sức gợi cảm	Biểu cảm
3	Kháng chiến chống Pháp	Chính trị	Lĩnh vực chính trị	Thuyết minh

Câu 2: So sánh văn bản (2), (3) với một bài học thuộc môn khoa học khác (văn bản 4) và một đơn xin nghỉ học (5). Rút ra nhận xét.

Trả lời:

Văn bản	Phạm vi sử dụng	Mục đích giao tiếp	Lớp từ ngữ riêng	Kết cấu trình bày
1	Nghệ thuật	Biểu thị tình cảm	Nghệ thuật	Hai phần, theo cảm xúc
2	Chính trị	Kêu gọi	Chính trị	Ba phần, logic
3	Khoa học	Trình bày tri thức, hướng dẫn kỹ năng	Khoa học	Có các phần mục rõ ràng, mạch lạc
4	Hành chính	Đề đạt nguyện vọng	Hành chính	Theo thể thức có sẵn